Kartlegging av leseferdighet
Vietnamesisk versjon 2. trinn

THỬ

Khả nang đọc

Lớp 2

Tên.....

Lớp.....

Trường .....

THỬ
Khả năng đọc
Lớp 2

Nasjonalt senter for flerkulturell opplæring

2002

Kartlegging
av leseferdighet

Versjon på vietnamesisk
2. trinn

Nasjonalt senter for flerkulturell opplæring

2002

© Copyright Utdanningsdirektoratet
Nasjonalt senter for flerkulturell opplæring har utarbeidet prøven på vietnamesisk for andre og tredje trinn på oppdrag fra Utdanningsdirektoratet som del av Tiltak 13 i Strategiplanen *Likeverdig utdanning i praksis!*

I likhet med prøvene på andre og tredje trinn på albansk, arabisk, bosnisk, kurdisk kurmanci/badini og kurdisk sorani, persisk, russisk, somali, spansk, tamil, thai, tyrkisk og urdu er disse prøvene laget etter samme modell som prøvene *Kartlegging av leseferdighet,* som Nasjonalt senter for leseopplæring og leseforsking tidligere har utarbeidet for Direktoratet.

A	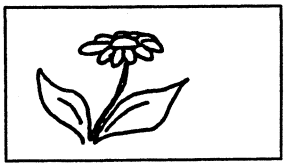	A	E	O	I
B	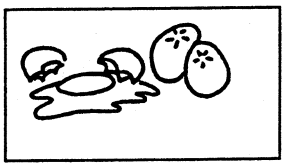	D	L	R	N

1	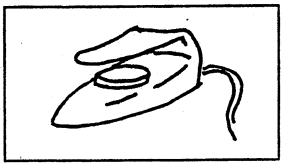	B	T	Đ	D
2	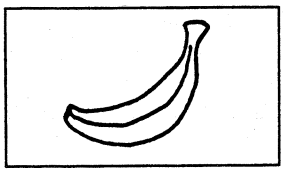	K	G	CH	H
3		C	S	X	Q
4	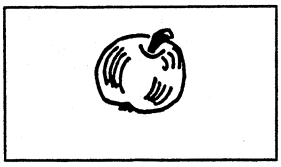	B	P	V	PH
5	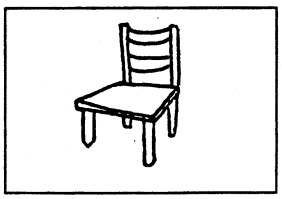	Â	Ô	Ê	E

6	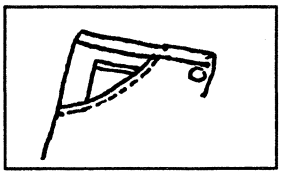	R	L	Đ	CH
7	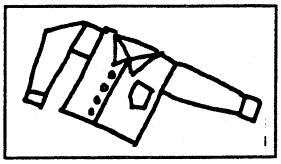	K	C	T	Q
8	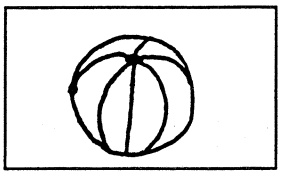	M	N	V	Đ
9	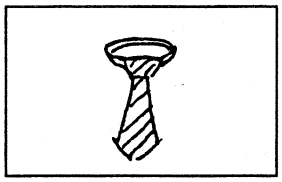	D	Y	GI	I
10	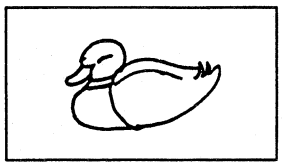	S	X	C	Y
11		B	R	P	E
12	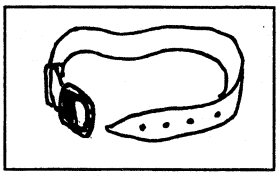	M	B	N	V
13	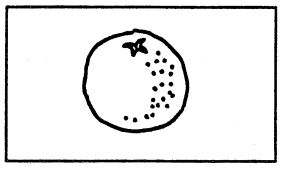	A	Â	O	Ô

14	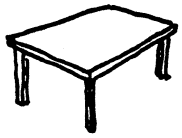	D	L	H	T
15		C	S	Q	CH
16	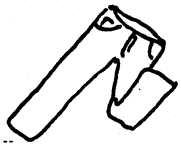	D	Y	GI	I
17		U	Ư	O	Ơ
18		Â	Ô	A	Ă
19		CH	V	P	PH
20		O	Ư	U	Ơ

NGỪNG!

A

B

1

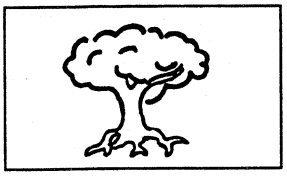

2

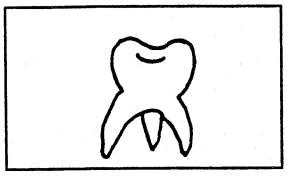

3

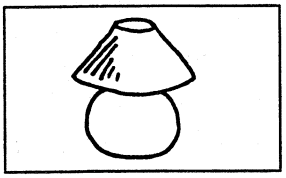

4

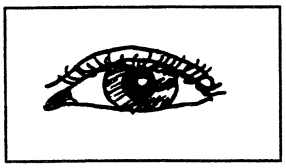

5

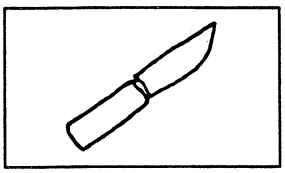

6 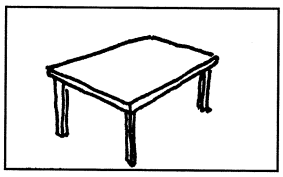 _____

7 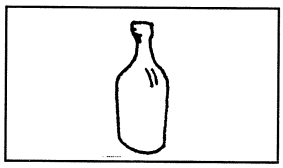 _____

8 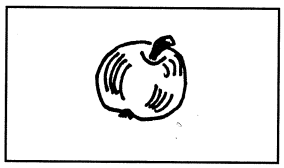 _____

9 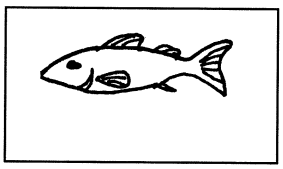 _____

10 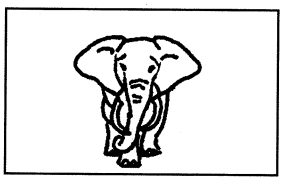 _____

11 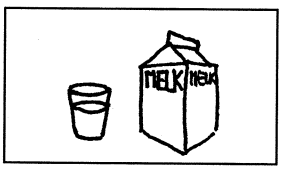

_____

12 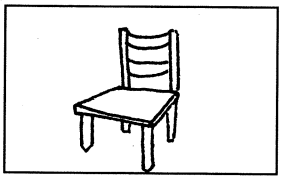 _____

NGỪNG!

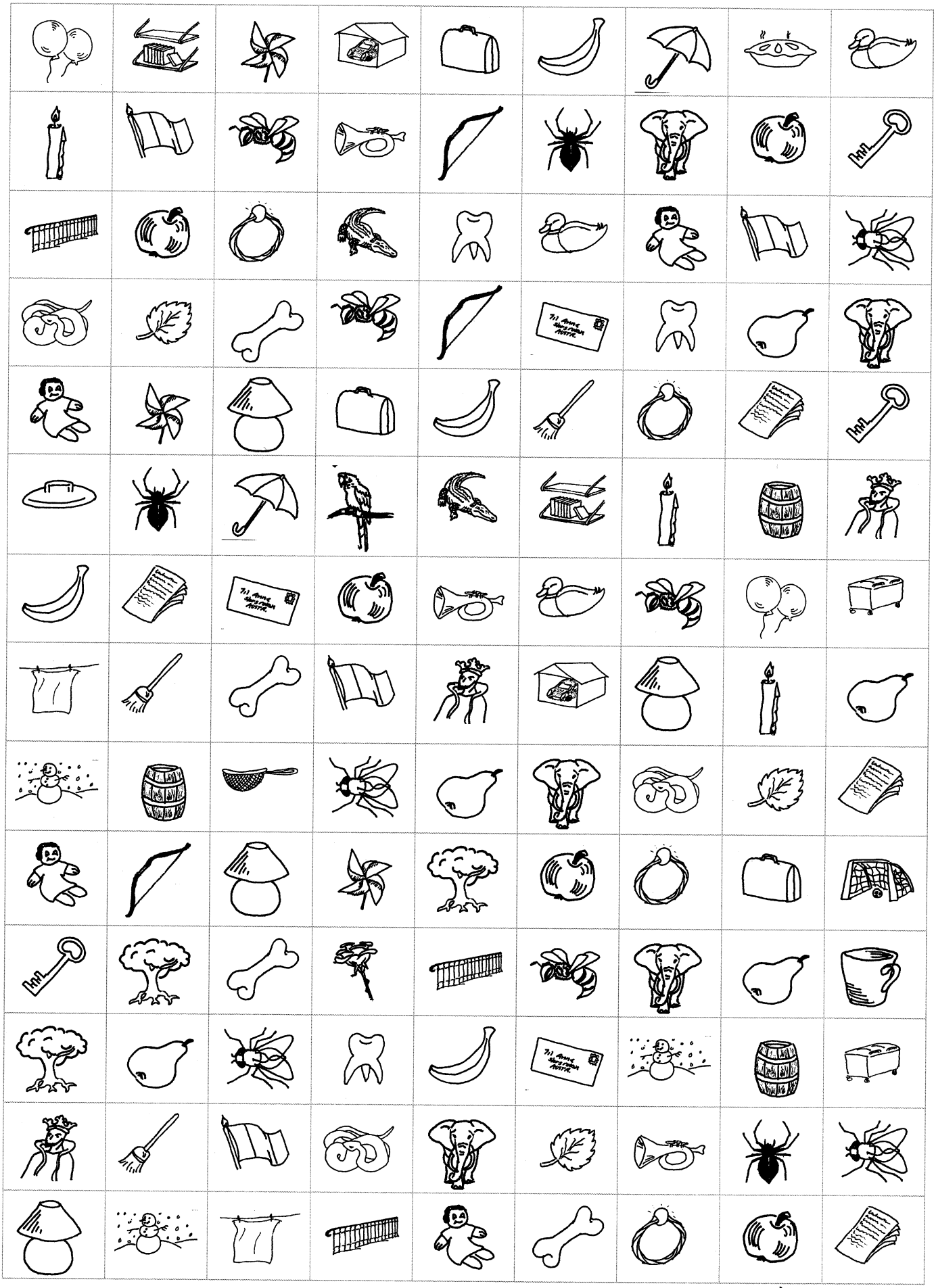

NGỪNG!

	A	a â ơ o ă
	c	S N C G K

1	M	m w n u r
2	u	O Y U N Ư
3	B	p d g b m
4	t	T H N D L

5	R	p n d r l
6	i	U I L Y Ê
7	K	g k h c t
8	o	Ơ D O Â R
9	S	c ph x q s
10	g	Đ C G O K

11	E	a e o g ê
12	đ	D B P G Đ
13	Y	u y i k ư
14	ơ	Q Ư Ô Ơ Â
15	N	m n u h r
16	l	E I L R H

NGỪNG!

A 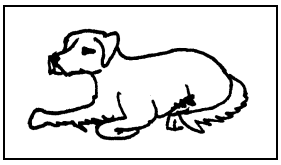

B 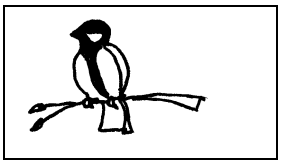

---

1 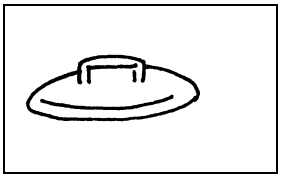

2 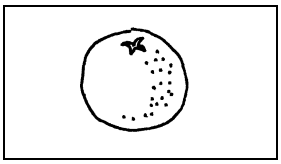

3

4 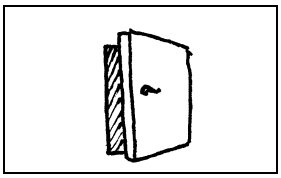

5

6 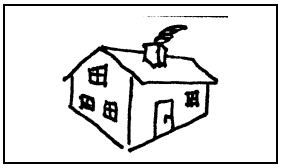 _____

7 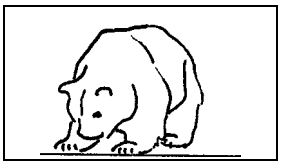 _____

8 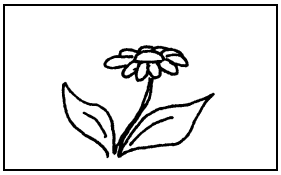 _____

9 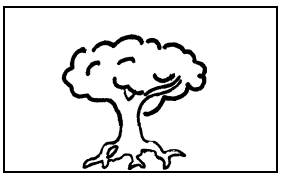 _____

10 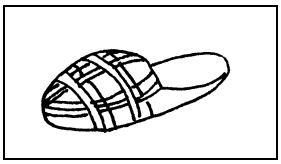 _____

11 _____

12 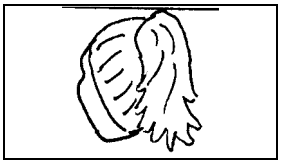 _____

NGỪNG!

A	kim	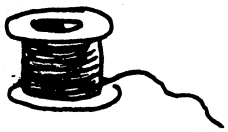			
B	tách				

1	mèo			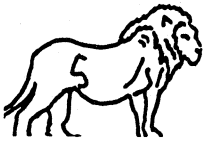	
2	tóc				
3	mưa				
4	chim		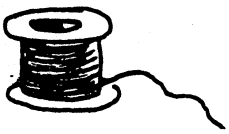		
5	giày			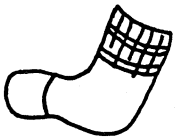	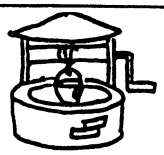

6	tiền				
7	quần				
8	ngựa				
9	áo đầm				
10	con cá				
11	xe-đạp				
12	trăng				
13	muỗng				

14	kéo				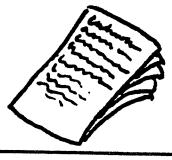
15	đầu				
16	xà-bông	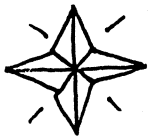			
17	bàn tay			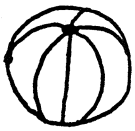	
18	giường	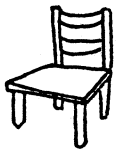		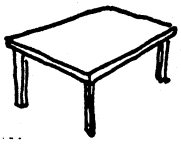	
19	bảng viết			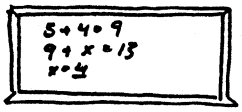	
20	trường học	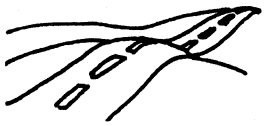	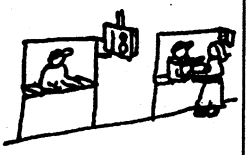		
21	hươu cao cổ				

NGỪNG!

A		tây	vai	tao	tai
B		kéo	kèo	kẹo	kẻo

1		mề	nẻ	mè	mẹ
2		cho	chó	khó	cột cờ
3		vua	cưi	cửa	thư
4		đen	đèn	tiền	dép
5		mắt	mùi	mất	ma qủi

6	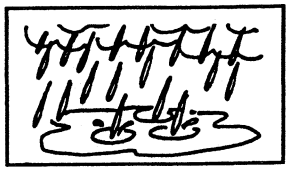	mửa	múa	mụ già	mưa
7	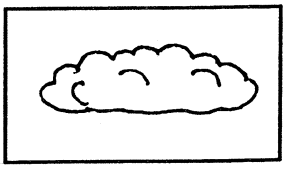	máy	may	mây	rây
8	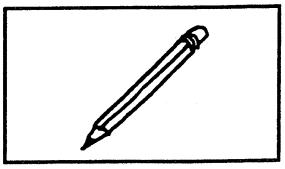	bút chì	bù chì	bùi	bác sĩ
9	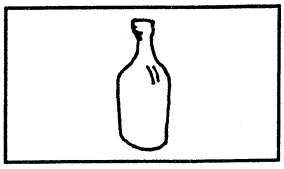	chai	chạy	chảo	chài
10	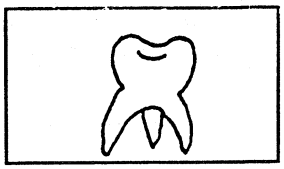	lang	dân	nắng	răng
11	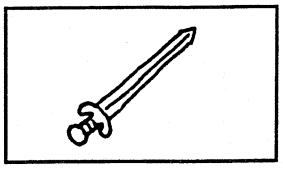	kiếm	kim	chim	tim
12	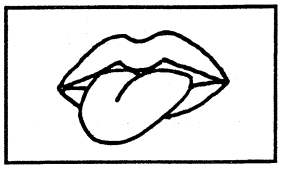	lưới	lược	lửng	lưỡi
13	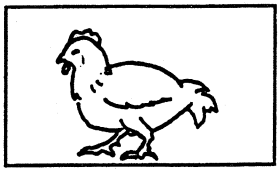	gà tây	gà mái	con rái	nha-ga

14	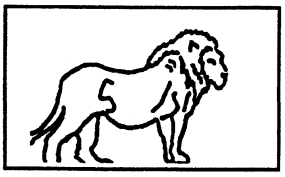	sử tích	sự-vụ	sư tử	tử thủ
15	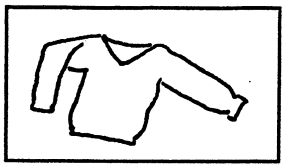	aó đen	áo len	ao cá	mũ len
16	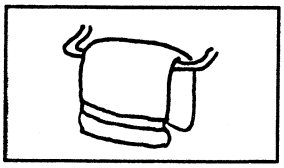	khay	khăn tay	khôn	bàn tay
17		bút-tệ	đúp	bóp-bẹp	búp-bê
18	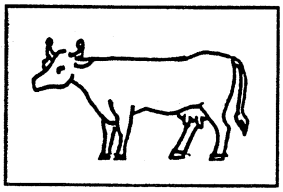	bởi ai	bắp cải	bò cái	đó đây
19	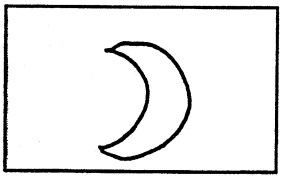	trăng	trắng	răng	thắng
20	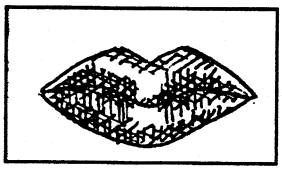	miện	miệng	niệm	niên
21		dao	trái dâu	cái đầu	trái táo
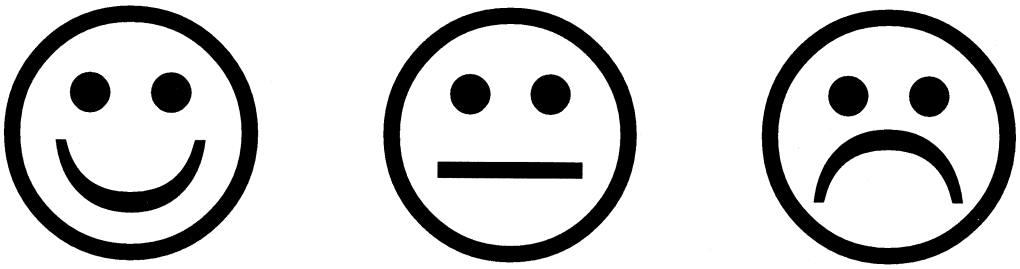
NGỪNG!